

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 11-7-2023
V/v: Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Nhân.
2. Ông Nguyễn Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

NgU đơn: Bà Vũ Minh Phượng U, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 39 đường T, phường B'Lao, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lâm Thị Y, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 23/9 đường Lê Lai, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Bà Nguyễn Thị Thạch Th, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 23/9 đường Lê Lai, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Lâm NgU, sinh năm 1980 và bà Hồ Bích Th, sinh năm 1982;

Cùng trú địa chỉ: Số 815/24 đường Trần Phú, phường B'Lao, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà U, bà Th, ông NgU, bà Th có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ngU đơn bà Vũ Minh Phượng U trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, trong năm 2020 bà có cho bà Lâm Thị Y vay tiền 02 lần để đáo hạn Ngân hàng cụ thể: Ngày 28/5/2020 bà cho vay 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng; Ngày 02/6/2020 bà cho bà Y vay thêm 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Tổng cộng bà Y đã vay của bà số tiền 1.450.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) và hẹn sẽ thanh toán cả gốc và lãi cho bà. Sau đó bà đã đòi rất nhiều lần thì đến ngày 27/7/2020 bà Y đã trả cho bà được 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc. Từ ngày 28/7/2020 hai bên chốt nợ, bà Y còn nợ lại tiền vay gốc 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó bà Y có trả cho bà U 05 lần tiền gốc và tiền lãi cụ thể:

- Ngày 18/9/2020 bà Y trả cho bà 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tiền vay gốc, còn nợ lại 1.050.000.000đ tiền vay gốc và nợ lại tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 1.350.000.000đ từ ngày 28/7/2020 đến ngày 18/9/2020 là 53 ngày: $1.350.000.000đ \times 2,49\% \times 53 \text{ ngày} = 59.386.500đ$ (năm mươi chín triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 22/9/2020 bà Y trả tiếp cho bà số tiền vay gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), còn nợ lại 850.000.000đ tiền vay gốc và nợ tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 1.050.000.000đ chưa trả từ ngày 19/9/2020 đến ngày 22/9/2020 là 04 ngày: $1.050.000.000đ \times 2,49\% \times 4 \text{ ngày} = 3.486.000đ$ (ba triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 850.000.000đ bà Y chưa trả từ ngày 23/9/2020 đến 29/9/2020 là 07 ngày: $850.000.000đ \times 2,49\% \times 07 \text{ ngày} = 4.938.500đ$ (bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng).

- Ngày 29/9/2020 bà Y tiếp tục trả cho bà 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) được trừ vào số tiền nợ gốc 850.000.000đ và tiền nợ lãi quá hạn chưa trả của các lần trước: $100.000.000đ - 59.386.500đ \text{ (lãi)} - 3.486.000đ \text{ (lãi)} - 4.938.500đ \text{ (lãi)} = 32.189.000đ$. Số tiền 32.189.000đ được trừ vào số tiền nợ gốc 850.000.000đ, bà Y còn nợ lại tiền gốc 817.811.000đ. Đến ngày 30/9/2020 hai bên đã chốt nợ số tiền vay gốc bà Y còn nợ lại 817.810.000đ (đã làm tròn).

- Ngày 21/12/2020 bà Y trả cho bà 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) được trừ vào tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn như sau:

Lãi quá hạn của khoản tiền gốc 817.810.000đ từ ngày chốt nợ 30/9/2020 đến ngày 21/12/2020 là 83 ngày: $817.810.000đ \times 2,49\% \times 83 \text{ ngày} = 56.339.000đ$. Như vậy số tiền $150.000.000đ - 56.339.000đ \text{ (lãi)} = 93.661.000đ$ (làm tròn 93.660.000đ) trừ vào nợ gốc 817.810.000đ, bà Y còn nợ lại 724.150.000đ (bảy trăm hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền gốc.

- Ngày 08/02/2021 bà Y chuyển khoản trả 02 lần tổng cộng 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng) được trừ vào tiền gốc và tiền lãi như sau:

Lãi quá hạn của khoản tiền nợ gốc 724.150.000đ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 08/02/2021 là 49 ngày: $724.150.000đ \times 2,49\% \times 49 \text{ ngày} = 29.451.000đ$ (làm tròn 29.450.000đ). Số tiền $190.000.000đ - 29.450.000đ$ (lãi) = 160.550.000đ. Số tiền 160.550.000đ được trừ vào nợ gốc 724.150.000đ. Như vậy số tiền gốc bà Y còn nợ lại chốt đến ngày 09/02/2021 là 563.600.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Từ đó tới nay bà Y không trả cho bà thêm đồng nào cả gốc và lãi mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà Y trả cho bà số tiền vay gốc là 563.600.000đ và lãi quá hạn tính từ ngày 09/02/2021 cho đến hết ngày xét xử (ngày 11/7/2023) là 29 tháng 02 ngày: $563.600.000đ \times 2,49\% \times 29 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 407.911.136đ$. Bà đồng ý trừ đi tiền lãi bà Y đã trả 3% trong hạn vượt quá 1,66% cho bà Y của 02 khoản vay là 1.295.334đ. Nay bà yêu cầu bà Y phải trả cho bà tổng cộng tiền vay gốc và lãi quá hạn đến ngày xét xử là 970.215.802đ (làm tròn 970.216.000đ), ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Đối với việc bà Th (người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) trình bày số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) bà Y nợ và số tiền 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) vợ chồng con trai bà Y (anh NgU, chị Th) nợ cộng gộp lại thành 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng) và vợ chồng anh NgU chị Th đã căn trừ số tiền nợ trên bằng việc sang tên cho bà thửa đất số 24, diện tích 3.715m² tại xã Đại Lào, thành phố B là hoàn toàn không đúng. Cũng vào năm 2020, trước thời điểm bà cho bà Y vay tiền thì bà có cho vợ chồng con trai bà Y là anh NgU, chị Th vay số tiền 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng) để làm ăn, khoản tiền này là bà cho vợ chồng anh NgU vay riêng không liên quan gì đến khoản vay của bà Y. Sau đó bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh NgU không trả được tiền cho bà nên vợ chồng anh NgU có đề nghị bà lấy thửa đất số 24, diện tích 3.715m² tại xã Đại Lào của vợ chồng anh NgU để căn trừ nợ. Để bảo đảm cho số tiền vợ chồng anh NgU nợ thì giữa hai bên thỏa thuận và làm bản cam kết ngày 06/8/2020 có nội dung bà sẽ bỏ ra 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) để chuộc sổ từ Quỹ tín dụng phường B'Lao ra sau đó vợ chồng anh NgU sang tên cho bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này. Tổng cộng số tiền vợ chồng anh NgU nợ bà là 7.200.000.000 đồng (bảy tỷ hai trăm triệu đồng), khi nào vợ chồng anh NgU kiếm được người mua đất thì bà sẽ có trách nhiệm sang tên lại toàn bộ thửa đất này với điều kiện anh NgU chị Th phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền nợ nói trên. Sau khi viết cam kết thì ngày 07/8/2020 bà và vợ chồng anh NgU ra Công chứng làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà. Sau đó vợ chồng anh NgU không bán được đất và cũng không thanh toán tiền nợ cho bà nên đến ngày 13/8/2020 bà đã đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 24, diện tích 3.715m² tại xã Đại Lào, thành phố B. Giữa bà và vợ chồng anh NgU không có tranh chấp gì nữa. Bà khẳng định đây là việc vợ chồng anh NgU vay tiền của bà và đã căn trừ đất để trả nợ xong không liên quan gì đến khoản vay của bà Y.

Các lời khai của bà Nguyễn Thị Thạch Th là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Vào năm 2020 mẹ bà là bà Lâm Thị Y có đứng ra vay tiền hộ cho em trai là Nguyễn Lâm NgU và em dâu Hồ Bích Th làm ăn cụ thể: Ngày 28/5/2020 mẹ bà vay của bà U số tiền 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận 7,5%/ tháng; Ngày 02/6/2020 mẹ bà tiếp tục vay thêm 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng) thời hạn vay 02 ngày, lãi suất thỏa thuận 7,5%/tháng để cho em trai bà trả nợ. Do mẹ bà đứng ra vay hộ em trai và em dâu nên mẹ bà phải ký tên trong giấy vay tiền. Cùng ngày mẹ bà đã trả cho bà U 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền vay gốc, số tiền gốc mẹ bà còn nợ lại bà U 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Từ ngày 28/5/2020 đến ngày 02/8/2020 mẹ bà đã trả tiền lãi cho bà U tổng cộng 06 lần được 212.500.000đ (hai trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, trước khi mẹ bà vay 02 khoản vay ngày 28/5/2020 và ngày 02/6/2020 của bà U thì vợ chồng em trai bà là anh NgU, chị Th có vay trực tiếp của bà U số tiền 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), hai bên thống nhất cộng gộp cả 02 khoản nợ 1.350.000.000đ và 3.850.000.000đ lại thành 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng), bà U đã đề nghị em trai và em dâu bà sang tên cho bà U thửa đất số 24, diện tích 3.175m², tờ bản đồ số 44 tại xã Đại Lào, thành phố B đứng tên vợ chồng NgU và Th để căn trừ số nợ 5.200.000.000đ nói trên. Giữa bà U và vợ chồng em trai bà đã thỏa thuận giá trị của thửa đất căn trừ là 7.200.000.000đ (bảy tỷ hai trăm triệu đồng), hai bên đã thống nhất căn trừ số nợ 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng) bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 24, diện tích 3.175m², tờ bản đồ số 44 tại xã Đại Lào, thành phố B. Để căn trừ hết nợ thì bà U đã thanh toán lại cho vợ chồng em trai bà thêm số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Hai bên thống nhất và ra công chứng làm thủ tục chuyển nhượng, ngày 07/8/2020 thửa đất số 24 tại xã Đại Lào, thành phố B đã được đứng tên bà U.

Đến ngày 15/8/2020 bà U phát hiện thửa đất căn trừ nợ với em trai bà thuộc dự án quy hoạch treo nên bà U đòi trả lại, do trước đây bà U đã cho mượn tiền nên bà Y có đồng ý trả thêm cho bà U 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) nữa nhưng đề nghị được trả dần. Sau đó từ ngày 18/9/2020 cho đến ngày 08/02/2021 mẹ bà đã trả cho bà U 05 lần được số tiền 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) cộng với số tiền 1.350.000.000đ đã được căn trừ bằng đất của vợ chồng em trai bà. Như vậy, mẹ bà đã trả cho bà U số tiền 2.400.000.000đ và tiền lãi 212.500.000đ đã vượt quá số tiền bà Y vay của bà U. Nay bà Y không đồng ý trả lại cho bà U khoản tiền nào nữa. Còn đối với khoản tiền bà Y đã trả dư cho bà U là do bà Y tự nguyện, nay bà Y không yêu cầu đòi lại số tiền này. Những lần bà Y trả tiền cho bà U thì không viết giấy tờ gì, cũng không có ai làm chứng, chỉ có 01 lần mẹ bà trả cho bà U 100.000.000đ thì có viết giấy chốt lại nợ. Nay bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc em trai và em dâu bà có vay số tiền 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) của bà U vì giấy vay này bà

U giữ lại. Việc thỏa thuận cần trừ nợ bằng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng em trai bà và bà U được lập thành đơn cam kết ngày 06/8/2020 có chữ ký của em dâu Hồ Bích Th và bà U, không có ai làm chứng, ngoài ra thì việc thỏa thuận trên bà Y và anh NgU đều biết và đồng ý.

Các lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lâm NgU và chị Hồ Bích Th trình bày:

Anh chị là con trai và con dâu của bà Lâm Thị Y. Trước khi mẹ anh chị là bà Lâm Thị Y vay tiền 02 lần của bà U thì vợ chồng anh chị đã vay của bà U số tiền 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền 3.850.000.000đ vợ chồng anh chị vay bà U nhiều lần chứ không phải một lần, một lần vay khoảng mấy trăm triệu đồng, có lần vay một tỷ đồng, mỗi lần vay đều có giấy vay. Do vay tiền nhiều lần để làm ăn nên vợ chồng anh chị không nhớ cụ thể ngày tháng năm vay, chỉ nhớ là thời gian vay các khoản tiền của bà U là trước thời gian bà Y vay tiền của bà U. Anh chị vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay lại trả gốc và lãi rồi lại vay tiếp cho đến khi không trả được tiền gốc cho bà U nữa nên hai bên đã chốt lại số tiền nợ gốc là 3.850.000.000đ nhưng không viết giấy chốt nợ. Sau đó anh chị không trả được nợ cho bà U nên giữa vợ chồng anh chị và bà U thỏa thuận cộng gộp khoản vợ chồng anh chị nợ 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng) cộng với số tiền bà Lâm Thị Y nợ 1.350.000.000đ thành 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng), vợ chồng anh chị đã thống nhất chuyển nhượng cho bà U 01 mảnh đất diện tích 3.175m², thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 44 tại xã Đại Lào, thành phố B với giá 7.200.000.000đ (bảy tỷ hai trăm triệu đồng) để cần trừ nợ, bà U đưa thêm 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) để vợ chồng anh chị lấy sổ trong ngân hàng ra để làm thủ tục sang tên cho bà U. Như vậy là bà Y và vợ chồng anh chị đã trả hết nợ cho bà U, hiện nay không còn nợ nần gì nữa. Nay anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/6/2023 nhưng không thành.

Tại phiên tòa: Các đương sự vẫn giữ ngU ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Minh Phượng U yêu cầu bà Lâm Thị Y trả số tiền vay gốc và lãi suất tổng cộng là 970.215.802đ (làm tròn 970.216.000đ).

Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật nhưng

bà Y thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí do đó bà Y được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Minh Phượng U có đơn khởi kiện đối với bị đơn là bà Lâm Thị Y, cư trú tại phường Lộc Tiến, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng về việc yêu cầu bà Y trả số tiền tổng cộng 970.216.000đ (chín trăm bảy mươi triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 563.600.000đ và lãi suất tính từ ngày 09/02/2021 đến hết ngày xét xử 11/7/2023 là 406.615.802đ. Bị đơn bà Lâm Thị Y không đồng ý trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh cho ngU đơn vì bị đơn cho rằng đã trả vượt quá số tiền vay, do đó giữa các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2]. Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Thị Y đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngU đơn yêu cầu bà Lâm Thị Y trả cho bà số tiền vay gốc 563.600.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi suất quá hạn tính từ ngày 09/02/2021 đến hết ngày xét xử 11/7/2023 là 407.911.136 đồng, bà U đồng ý trừ đi số tiền lãi trong hạn của 02 khoản vay vượt quá 1,66% cho bà Y là 1.295.334đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các hợp đồng vay tiền ngày 28/5/2020 và ngày 02/6/2020 do ngU đơn cung cấp thể hiện bà Lâm Thị Y và chồng là ông Nguyễn Văn H có vay của bà Vũ Minh Phượng U 02 lần tổng cộng số tiền 1.450.000.000đ và hạn thời gian trả 02 ngày kể từ ngày vay, lãi suất vay 3%/tháng có chữ ký bên cho vay là Vũ Minh Phượng U và bên vay Lâm Thị Y. Trong các hợp đồng vay tiền bà Y có xác nhận đã nhận đủ các số tiền vay 800.000.000đ và 650.000.000đ của ngU đơn. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà Lâm Thị Y có vay tiền 02 lần của bà U cho con trai làm ăn tổng cộng số tiền vay gốc là 1.450.000.000đ (một tỉ bốn trăm năm mươi triệu đồng), sau đó đã trả 100.000.000đ, số tiền vay gốc còn nợ lại 1.350.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7,5%/tháng, chữ viết ký tên trong các hợp đồng vay tiền do ngU đơn cung cấp phía bị đơn thừa nhận đó là chữ ký và chữ viết của bà Y. NgU đơn bà U cũng khẳng định bà chỉ cho một mình bà Y vay tiền chứ không có chồng bà Y tham gia. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định bà Y vay của bà U số tiền 1.450.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng) là có thật.

Xét lời khai của bà Th là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ngoài khoản tiền vay gốc bà Y còn nợ của bà U 1.350.000.000đ thì trước đó vợ chồng em trai, em dâu bà là anh NgU và chị Th còn nợ của bà U số tiền 3.850.000.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Do anh NgU, chị Th không có khả năng trả nợ nữa nên đã thống nhất với bà U cộng gộp 02 khoản nợ của bà Y và nợ của vợ chồng anh NgU vào thành số nợ 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng). Anh NgU chị Th đồng ý chuyển nhượng cho bà U thửa đất số 24, diện tích 3.175m², tờ bản đồ số 44 tại xã Đại Lào, thành phố B đứng tên vợ chồng anh NgU để cân trừ 02 khoản nợ trên. Giữa bà U và vợ chồng em trai bà đã thỏa thuận giá trị của diện tích đất cân trừ là 7.200.000.000đ (bảy tỷ hai trăm triệu đồng), hai bên đã thống nhất cân trừ số nợ 5.200.000.000đ (năm tỷ hai trăm triệu đồng). Do vậy, để cân trừ hết nợ thì bà U đã thanh toán lại cho vợ chồng em trai bà thêm số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng). Hai bên thống nhất và ra công chứng làm thủ tục chuyển nhượng. Ngày 07/8/2020 thửa đất số 24 tại xã Đại Lào, thành phố B đã được đứng tên bà U. Về số tiền lãi thì bà Y đã trả tiền lãi cho bà U từ ngày 28/5/2020 cho đến ngày 02/8/2020 (tổng cộng 06 lần) được 212.500.000đ (hai trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 15/8/2020 bà U phát hiện thửa đất cân trừ nợ thuộc dự án quy hoạch treo nên bà U đòi trả lại nên mẹ bà đồng ý trả thêm cho bà U 1.050.000.000đ (một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) nhưng được trả dần. Sau đó từ ngày 18/9/2020 cho đến ngày 08/02/2021 bà Y đã trả cho bà U 05 lần cụ thể: ngày 18/9/2020 trả 300.000.000đ; ngày 22/9/2020 trả 200.000.000đ; ngày 29/9/2020 trả 210.000.000đ; ngày 21/12/2020 trả 150.000.000đ; ngày 08/02/2021 chuyển khoản trả 02 lần 190.000đ cộng với số tiền 1.350.000.000đ đã được cân trừ bằng đất của vợ chồng anh NgU chị Th. Như vậy, bà Y đã trả cho bà U số tiền 2.400.000.000đ và tiền lãi 212.500.000đ đã vượt quá số tiền bà Y vay của bà U. Nay bà Y không đồng ý trả lại cho bà U khoản tiền nào nữa. Xét các lời khai này của bị đơn không được ngU đơn thừa nhận. Phía bị đơn khẳng định những lần bị đơn trả tiền cho bà U thì không viết giấy tờ gì, cũng không có ai làm chứng, chỉ có 01 lần bà Y trả cho bà U 100.000.000đ tiền gốc thì có viết giấy chốt lại nợ và 02 lần chuyển khoản tổng cộng 190.000.000đ. Bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc vợ chồng anh NgU chị Th có vay số tiền 3.850.000.000đ của bà U. Ngoài ra, bị đơn trình bày việc thỏa thuận cân trừ nợ bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh NgU và bà U được lập thành đơn cam kết ngày 06/8/2020 có chữ ký bà Hồ Bích Th và bà U, bà Y và ông NgU đều đồng ý nhưng trong nội dung đơn cam kết này chỉ thể hiện việc cân trừ nợ đối với số tiền vay là 5.200.000.000đ chứ không thể hiện nội dung cân trừ đối với 02 khoản vay của bà Y. Mặt khác, vào ngày 07/8/2020 là ngày hai bên ra công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để cân trừ hết các khoản nợ nhưng sau đó vào các ngày 18/9/2020 và ngày 22/9/2020 (bút lục 49 và bút lục 82) thể hiện bà Y vẫn tiếp tục trả nợ gốc cho bà U. Do đó lời khai này của bị đơn không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận.

Xét lời khai của ngU đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ là mặt sau của hợp đồng vay tiền ngày 02/6/2020 (bút lục số 47) thể hiện ngày 28/7/2020 bà Y chót nợ còn nợ lại tiền vay gốc 1.350.000.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Phía ngU đơn thừa nhận trong tổng số tiền bị đơn vay 02 lần tổng cộng 1.450.000.000đ thì bà Y đã trả cho ngU đơn nhiều lần, mỗi lần trả đều được trừ vào nợ gốc và nợ lãi như bà đã trình bày, hiện nay bị đơn còn nợ lại tiền gốc 563.600.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi quá hạn tính từ ngày 09/02/2021 đến hết ngày xét xử 11/7/2023 là 29 tháng 02 ngày: $563.600.000đ \times 2,49\% \times 29 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 407.911.136đ$ (bốn trăm lẻ bảy triệu chín trăm mười một nghìn một trăm ba mươi sáu đồng). NgU đơn đồng ý trừ đi tiền lãi bà Y đã trả 3% trong hạn vượt quá 1,66% của 02 khoản vay là 1.295.334đ. Nay bà yêu cầu bà Y phải trả cho bà tổng cộng tiền vay gốc và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 970.216.000đ (chín trăm bảy mươi triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng) đã làm tròn. Hội đồng xét xử thấy phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của ngU đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định nhưng do bà Y đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí. Bà Y đã có đơn xin miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TU xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn bà Vũ Minh Phượng U về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Lâm Thị Y.

Buộc bị đơn bà Lâm Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Minh Phượng U số tiền 970.216.000đ (chín trăm bảy mươi triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 563.600.000đ (năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và lãi suất tính đến hết ngày 11/7/2023 là 406.615.802đ (bốn trăm lẻ sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn tám trăm lẻ hai đồng) làm tròn thành 406.616.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: NgU đơn bà Vũ Minh Phượng U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.126.000đ (mười chín triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005478 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền